TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án: 49/2018/HNGĐ-ST Ngày 26/4/2018 "V/v Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà, thẩm phán: Bà **Cao Thị Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh Đảnh**

2. Bà **Dương Thị Thu Hằng**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Ý** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Kiên Lương: Ông **Thái Xuân Nguyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐST-XX, ngày 06 tháng 4 năm 2018.

Nguyên đơn: Ông **Lê Hồng P** – sinh năm 1963, có mặt

Bị đơn: Bà **Phạm Thị L** – sinh năm 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Tổ 12, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang;

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa của ông Lê Hồng P trình bày: ông và bà L chung sống với nhau từ năm 1986 và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và hai người đã sống ly thân 14 năm nay. Vì vậy, nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và cũng không sống hạnh phúc được nữa, ông không thể về ở chung với bà L, do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 04 con chung là Lê Thị Kim Y – sinh ngày 04/9/1987; Lê Hồng Đ – sinh ngày 18/02/1989; Lê Thị Kim T – sinh ngày 09/8/1995; Lê Thị Kim N – sinh ngày 13/3/1990. Nay các con đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Hiện nay cháu N đang

đi học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh, việc chu cấp tiền ăn, học cho N ông tự đứng ra lo. Không yêu cầu bà L chu cấp tiền ăn, học cho cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo biên bản ghi lời khai của bị đơn bà Phạm Thị L trình bày*: bà thừa nhận bà và ông P chung sống với nhau từ năm 1986, không đăng ký kết hôn. Lúc đầu cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc. Nhưng gần 10 năm nay vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến vợ chồng sống ly thân hơn 10 năm. Đến nay vợ chồng không còn sống chung.

Về con chung: Có 04 con chung là Lê Thị Kim Y – sinh ngày 04/9/1987; Lê Hồng Đ – sinh ngày 18/02/1989; Lê Thị Kim T – sinh ngày 09/8/1995; Lê Thị Kim N – sinh ngày 13/3/1990. Nay các con đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Riêng cháu N hiện đang đi học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh thì bà đồng ý cho ông P chu cấp tiền ăn, học cho cháu N.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên toà là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Về nội dung vụ án do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P.

XÉT THẤY;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội Đồng Xét Xử (HĐXX) nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Bị đơn bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của ông P về việc xin ly hôn với bà L, HĐXX thấy rằng: quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hồng P với bà Phạm Thị L chung sống với nhau từ năm 1986, không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân của ông P, bà L thì được xem là hôn nhân hợp pháp do hôn nhân được xác lập trước ngày luật hôn nhân và gia đình 2014 có hiệu lực thì áp dụng luật tại thời điểm xác lập để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nhận thấy ông P và bà L đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mặt khác, giữa ông P và bà L đã sống ly thân trên 10 năm và hiện tại cũng đang sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông P và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

ông P, xử cho ông P được ly hôn với bà L theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 04 con chung là Lê Thị Kim Y – sinh ngày 04/9/1987; Lê Hồng Đ – sinh ngày 18/02/1989; Lê Thị Kim T – sinh ngày 09/8/1995; Lê Thị Kim N – sinh ngày 13/3/1990. Nay các con đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Hiên nay cháu N đang còn đi học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh và ông P tự nguyện chu cấp tiền ăn, học cho cháu N và không yêu cầu bà L chu cấp tiền ăn, học cho cháu N.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐ-ST: ông P có yêu cầu xin ly hôn và được chấp nhận nên phải nộp án phí là 300.000đ.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Hồng P với bà Phạm Thị L.

2. Về con chung: Có 04 con chung là Lê Thị Kim Y – sinh ngày 04/9/1987; Lê Hồng Đ – sinh ngày 18/02/1989; Lê Thị Kim T – sinh ngày 09/8/1995; Lê Thị Kim N– sinh ngày 13/3/1990.

Nay các con đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào các điều 144; 146 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Ông Lê Hồng P phải nộp 300.000đ và được khấu trừ vào án phí tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001673, ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

5. Báo cho ông P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2018); Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Thi Haønh Aùn DS h.Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;
- Löu VP./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Cao Thị Mai